

Căng thẳng Mỹ-Iran: Những tác động chính lên kinh tế vĩ mô

Phạm Vũ Thăng Long
Giám Đốc Cấp Cao, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

Lê Trần Thu Hằng
Chuyên viên, Ngành Kinh Tế Vĩ Mô
hang.ltthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4870

- Căng thẳng gần đây của Mỹ & Israel với Iran đã làm gia tăng rủi ro địa chính trị, một số tổ chức nghiên cứu nâng dự báo giá dầu năm 2026 lên tối thiểu 80 USD/thùng, tương đương cao hơn 30,6% so với dự báo hiện tại của chúng tôi (59 USD/thùng).
- Giả định các yếu tố khác giữ nguyên, tác động tiềm ẩn lên kinh tế vĩ mô của Việt Nam bao gồm: (1) giá nhiên liệu (chiếm 4% giỏ CPI) có thể đóng góp tăng 1,2 điểm phần trăm vào CPI tổng thể và (2) thâm hụt thương mại sản phẩm dầu thô có thể tăng 1,3 tỷ USD, tương đương đóng góp giảm 0,24 điểm phần trăm vào tăng trưởng GDP.
- Mặc dù giá dầu tăng cao có thể làm tăng chi phí nhập khẩu/logistics và làm suy giảm cán cân thương mại năng lượng của Việt Nam, chúng tôi vẫn giữ nguyên dự báo CPI và thương mại do quan hệ giao thương giữa Việt Nam với Trung Đông vẫn hạn chế và sự không chắc chắn về việc sự kiện này sẽ kéo dài hay chỉ diễn ra trong ngắn hạn. Tuy nhiên, chúng tôi đang theo dõi chặt chẽ tình hình.

Rủi ro địa chính trị thúc đẩy giá dầu

Các công ty nghiên cứu toàn cầu dự báo giá dầu có thể tăng lên [100 hoặc 120 USD/thùng](#) nếu cơ sở hạ tầng dầu khí khu vực bị ảnh hưởng hoặc nếu dòng chảy tàu chở dầu ở [eo biển Hormuz](#) - một điểm nghẽn quan trọng nối liền vùng Vịnh Ba Tư giàu dầu mỏ với thị trường toàn cầu và chiếm khoảng 20% sản lượng năng lượng toàn cầu - không được khôi phục nhanh chóng. Cho Q2/2026, Morgan Stanley đã nâng dự báo giá dầu lên [tối thiểu 80 USD/thùng](#) trong bối cảnh căng thẳng leo thang ở Trung Đông và rủi ro gián đoạn kéo dài ở eo biển này.

Những tác động vĩ mô chính đối với Việt Nam

Theo dự báo giá dầu toàn cầu đạt tối thiểu 80 USD/thùng vào năm 2026, tương đương tăng 30,6% so với giả định hiện tại của chúng tôi (59 USD/thùng), và giả định giá nhiên liệu trong nước phản ánh xu hướng toàn cầu, nhóm nhiên liệu, chiếm [khoảng 4% giỏ CPI của Việt Nam](#), có thể đóng góp 1,2 điểm phần trăm vào lạm phát tổng thể, giả định các yếu tố khác giữ nguyên.

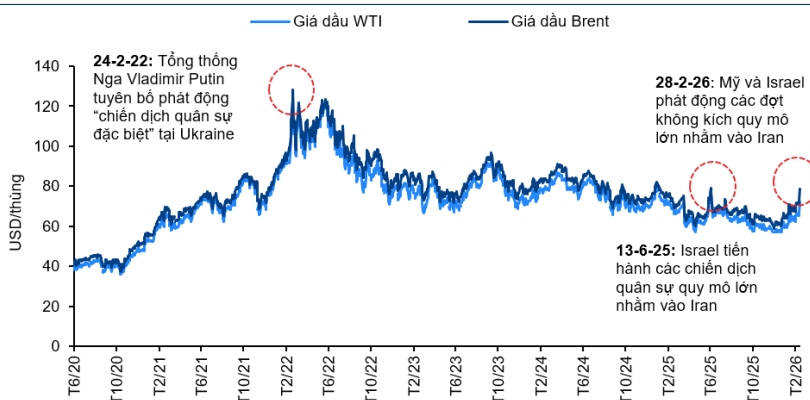
Đối với hoạt động thương mại, Việt Nam là một nước nhập khẩu năng lượng ròng và thâm hụt thương mại dầu thô 6,3 tỷ USD trong năm 2025, từ đó Việt Nam dễ chịu tổn thương trước những gián đoạn kéo dài quanh eo biển Hormuz. HSC ước tính giá dầu Brent tăng 30,6% có thể làm tăng 1,3 tỷ USD thâm hụt thương mại dầu thô của Việt Nam, tương đương đóng góp giảm 0,24 điểm phần trăm vào tăng trưởng GDP.

Tuy nhiên, HSC vẫn giữ nguyên dự báo CPI và thương mại do mức độ ảnh hưởng của thương mại Việt Nam với khu vực Trung Đông tương đối hạn chế. Trên thực tế, KNXX và KNNK đối với khu vực Trung Đông lần lượt chiếm khoảng 2% và 2,5% tổng KNXX và KNNK của Việt Nam trong năm 2025. Ngoài ra, chúng tôi hiện vẫn giữ nguyên dự báo do sự không chắc chắn về việc sự kiện này sẽ kéo dài ([cuộc chiến Nga-Ukraine, bắt đầu vào ngày 24/2/2022, đã kéo dài 4 năm](#)) hay chỉ diễn ra trong thời gian ngắn ([cuộc xung đột Israel-Iran bùng nổ vào ngày 13/6/2025 và chỉ kéo dài 12 ngày](#)).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 4/3.

Biểu đồ 1: Giá dầu thô và các sự kiện sốc giá trong quá khứ

Căng thẳng giữa Mỹ và Iran đã khiến giá dầu tiến sát ngưỡng quan trọng 80 USD/thùng



Nguồn: Bloomberg, HSC

Rủi ro địa chính trị: Khó lường

Với tình hình xung đột gần đây của Mỹ và Israel với Iran, một số công ty nghiên cứu đã nâng dự báo giá dầu lên tối thiểu 80 USD/thùng vào năm 2026, cao hơn khoảng 30,6% so với dự báo của chúng tôi (59 USD/thùng). Giả định giá nhiên liệu trong nước biến động theo xu hướng toàn cầu, mức tăng này có thể đóng góp tăng khoảng 1,2 điểm phần trăm vào lạm phát tổng thể, do nhóm nhiên liệu chiếm 4% giỏ CPI. Ngoài ra, với tư cách là một nước nhập khẩu năng lượng ròng và thâm hụt thương mại dầu thô 6,3 tỷ USD trong năm 2025, giá dầu Brent tăng 30,6% có thể làm tăng khoảng 1,3 tỷ USD thâm hụt dầu thô của Việt Nam, tương đương khoảng 0,24% GDP. Tuy nhiên, HSC vẫn duy trì dự báo CPI và thương mại hiện tại, do thương mại trực tiếp của Việt Nam với khu vực Trung Đông không lớn, chỉ tương đương 2-3% tổng kim ngạch thương mại, cùng sự không chắc chắn về thời gian kéo dài cuộc xung đột.

Bối cảnh

Cuối tuần qua, Mỹ và Israel đã phát động các cuộc tấn công quy mô lớn vào Iran, được cho là dẫn đến cái chết của Lãnh tụ tối cao Iran, ông Ayatollah Ali Khamenei. Sau đó, Iran đã trả đũa bằng cách triển khai tên lửa và máy bay không người lái nhắm vào Israel và các quốc gia vùng Vịnh có căn cứ quân sự của Mỹ, bao gồm UAE, Ả Rập-Xê Út, Qatar và Kuwait. Cơ sở hạ tầng dân sự cũng bị ảnh hưởng, với các cuộc tấn công được báo cáo vào Sân bay Quốc tế Dubai, [chính phủ Iran cũng đã tuyên bố đóng cửa eo biển Hormuz](#), gây tắc nghẽn tuyến đường vận chuyển dầu mỏ quan trọng, chiếm khoảng 20% sản lượng năng lượng toàn cầu (Biểu đồ 2).

Do căng thẳng địa chính trị leo thang, giá dầu Brent toàn cầu đã tăng khoảng 9% lên 79,41 USD/thùng ở một số thời điểm sau sự kiện này, trong khi giá vàng cũng tăng hơn 2%, lên sát ngưỡng quan trọng 5.400 USD trong bối cảnh tâm lý né tránh rủi ro gia tăng (Biểu đồ 1, 3). Thị trường tài chính cũng phản ứng tiêu cực sau các cuộc tấn công, trong đó [chỉ số tương lai Dow Jones Industrial Average giảm 521 điểm \(1%\)](#), [trong khi chỉ số tương lai S&P 500 và Nasdaq 100 cũng giảm khoảng 1%](#).

Trong nước, tính đến thứ Ba (3/3/2026), chỉ số VN Index giảm 3,6% so với mức đóng cửa tuần trước (trước khi sự kiện xảy ra).

Từ đó, sự tập trung chuyển sang những tác động tiềm ẩn lên các chỉ số kinh tế vĩ mô quan trọng (chúng tôi sẽ phân tích bên dưới).

Hình 2: Eo biển Hormuz

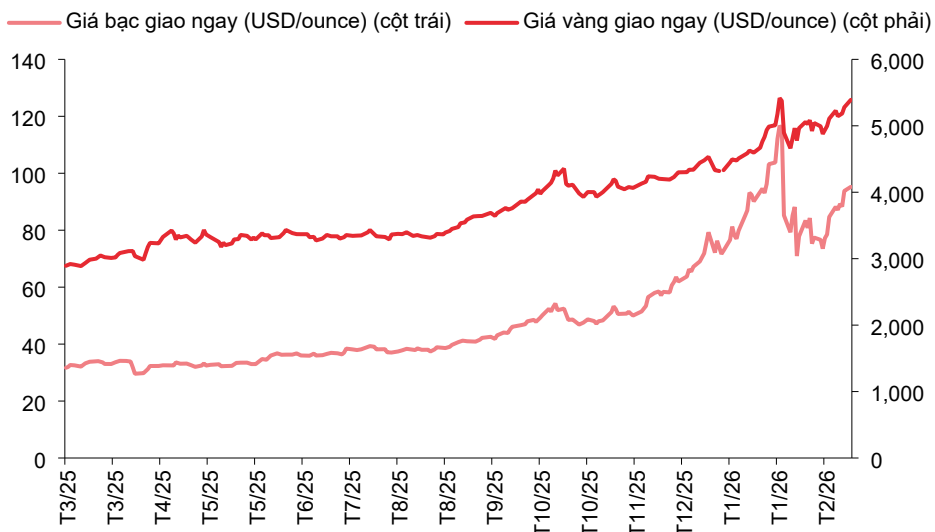
Theo Cơ quan Thông tin Năng lượng Hoa Kỳ (EIA), khoảng 20 triệu thùng dầu, tương đương 1/5 sản lượng dầu toàn cầu mỗi ngày, được vận chuyển qua eo biển Hormuz



Nguồn: EIA, CNN, HSC

Biểu đồ 3: Giá vàng và giá bạc

Giá vàng đang tiến gần mốc 5.400 USD trong bối cảnh nhu cầu đối với tài sản trú ẩn an toàn tăng mạnh



Nguồn: Bloomberg, HSC

Rủi ro địa chính trị có thể làm tăng CPI

Giá nhiên liệu, trong nhóm giao thông, chiếm [3,89%](#) giỏ CPI của Việt Nam. Giá dầu tăng mạnh trong bối cảnh rủi ro địa chính trị leo thang chắc chắn sẽ làm tăng rủi ro lạm phát.

Nhìn lại, cuộc xung đột Nga-Ukraine, bắt đầu từ ngày 24/2/2022, đã khiến giá dầu Brent tăng bình quân 39,65% lên 99,04 USD/thùng trong năm 2022 từ 70,95 USD/thùng trong năm 2021. Theo đó, giá bán lẻ xăng RON95-III bình quân trong nước tăng 26,6% so với cùng kỳ lên 26.018đ/l trong năm 2022. Do đó, lạm phát tổng thể đạt bình quân 3,15% trong năm 2022 so với 1,84% trong năm 2021, trong đó nhóm giao thông, chiếm khoảng 9,7% giỏ CPI, đóng góp 1,09 điểm phần trăm tăng vào CPI tổng thể.

HSC hiện dự báo CPI năm 2026 sẽ ở mức 3,9%, dựa trên giả định giá dầu ở mức 59 USD/thùng (bình quân dự báo của EIA, Bloomberg và Ngân hàng Thế giới), giảm 14% so với bình quân năm 2025.

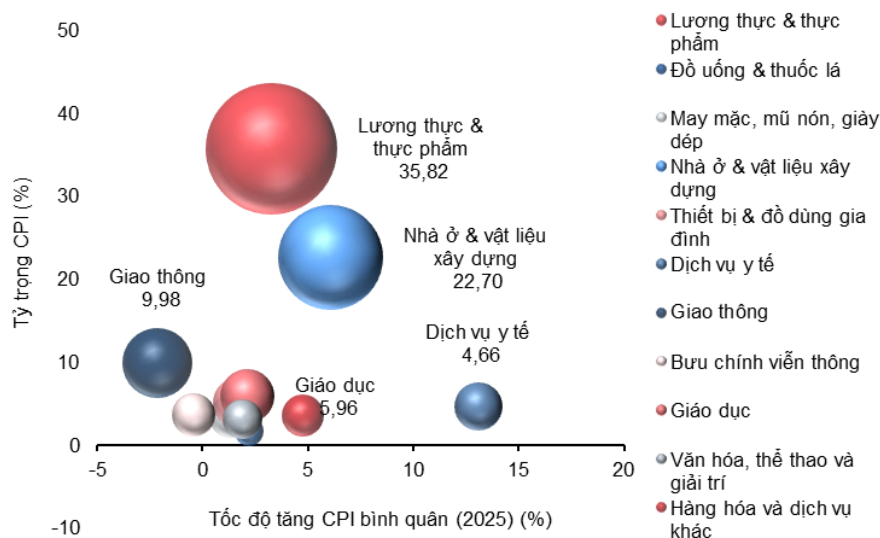
Tuy nhiên, sau khi căng thẳng Mỹ-Iran leo thang gần đây, các công ty nghiên cứu lớn đã điều chỉnh dự báo giá dầu. Trong đó, [Morgan Stanley đã điều chỉnh kịch bản cơ sở lên 80 USD/thùng cho Q2/2026, trong khi một số công ty cảnh báo giá dầu Brent có thể tăng lên 100-120 USD/thùng](#) nếu cơ sở hạ tầng dầu khí khu vực bị hư hại và giao thông qua eo biển không sớm được khôi phục.

Theo kịch bản giá dầu Brent tăng lên [80 USD/thùng](#), tương đương cao hơn 30,6% so với giả định trước đó của chúng tôi (59 USD/thùng), giả định xu hướng giá trong nước tương tự, lạm phát tổng thể sẽ tăng thêm 1,2 điểm phần trăm.

Ngoài ra, ngày 17/10/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua [nghị quyết gia hạn giảm 50% thuế bảo vệ môi trường đối với các sản phẩm dầu mỏ](#), được ban hành vào tháng 4/2022, đến hết năm 2026. Việc duy trì nghị quyết này sẽ giúp hạn chế khả năng giá nhiên liệu trong nước tăng mạnh trong thời kỳ giá dầu toàn cầu biến động mạnh, từ đó kiểm chế một phần biến động về áp lực lạm phát.

Biểu đồ 4: Tỷ trọng trong CPI tổng thể

Nhóm giao thông chiếm gần 10% rổ CPI. Trong đó, giá nhiên liệu - chiếm khoảng 40% của nhóm giao thông - tương đương khoảng 4% tổng rổ CPI



Nguồn: NSO, HSC

Tình hình nhập khẩu năng lượng ròng của Việt Nam làm tăng rủi ro đối với tăng trưởng GDP

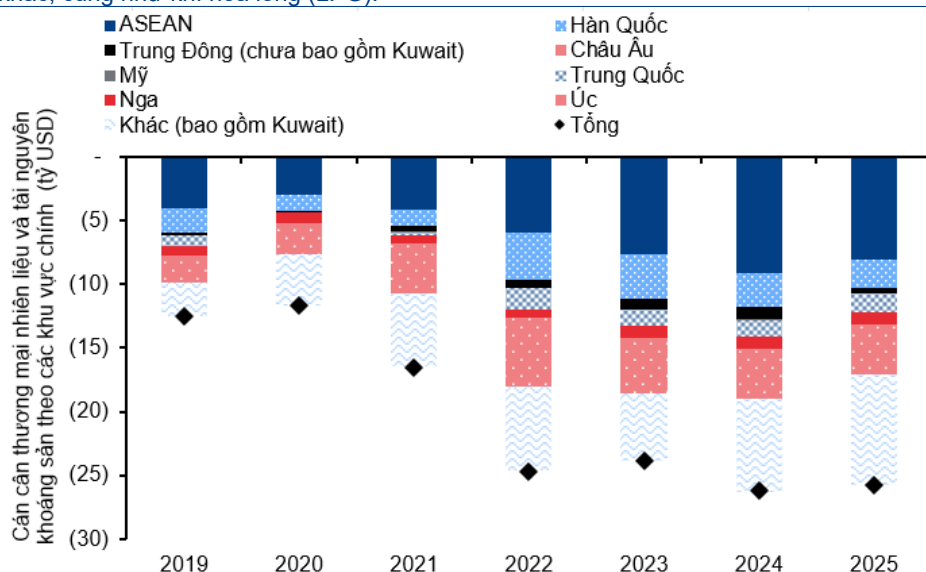
Do Việt Nam là nước nhập khẩu năng lượng ròng với thâm hụt thương mại dầu thô 6,3 tỷ USD trong năm 2025 (tổng thâm hụt thương mại nhiên liệu và khoáng sản là 25,7 tỷ USD trong năm 2025), HSC ước tính giá dầu Brent tăng 30,6% so với dự báo trước đó sẽ làm tăng 1,3 tỷ USD thâm hụt thương mại dầu thô của Việt Nam, tương đương 0,24 điểm phần trăm, từ đó làm giảm tăng trưởng GDP (Biểu đồ 6).

Theo thị trường nhập khẩu, Kuwait hiện là quốc gia cung cấp dầu thô lớn nhất của Việt Nam. Trong 11 tháng đầu năm 2025, KNNK dầu thô từ Kuwait đạt **5,5 tỷ USD**, chiếm 78,6% tổng KNNK dầu thô trong giai đoạn này. Do đó, gián đoạn kéo dài ở eo biển Kuwait chắc chắn sẽ làm tăng chi phí nhập khẩu cho Việt Nam.

Tuy nhiên, triển vọng thương mại của Việt Nam vẫn khả quan do thương mại trực tiếp với các quốc gia Trung Đông vẫn tương đối hạn chế, trong đó KNXK và KNNK từ khu vực này chiếm lần lượt khoảng 2% và 2,5% tổng KNXK và KNNK của Việt Nam trong năm 2025 (Biểu đồ 7).

Biểu đồ 5: Cán cân thương mại nhiên liệu và tài nguyên khoáng sản của Việt Nam theo các khu vực chính

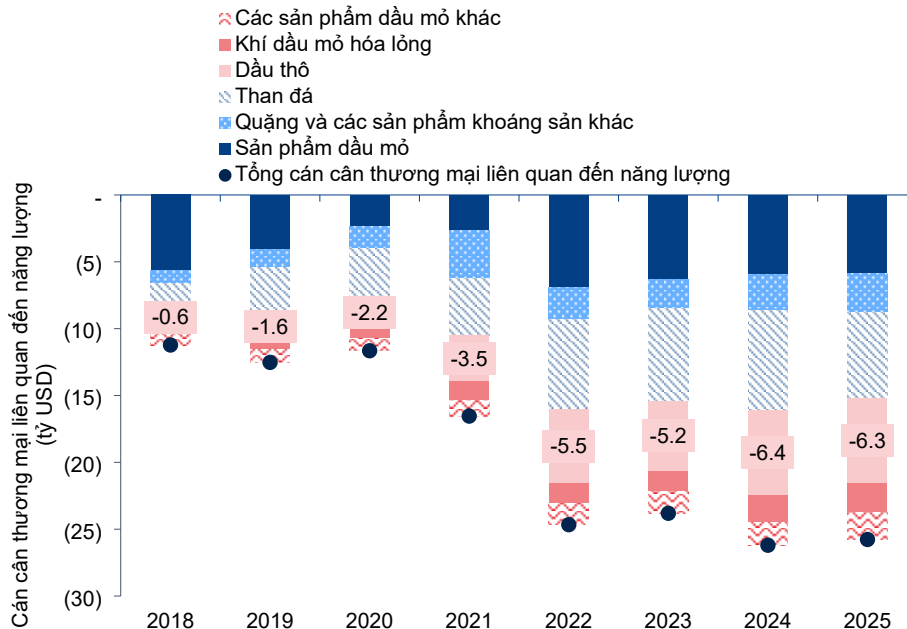
Việt Nam vẫn tương đối phụ thuộc vào nhập khẩu nhiên liệu và tài nguyên khoáng sản, bao gồm dầu thô, than đá, các sản phẩm dầu mỏ, quặng và các sản phẩm khoáng sản khác, cũng như khí hóa lỏng (LPG).



Nguồn: Hải quan Việt Nam, CEIC, HSC

Biểu đồ 6: Cán cân thương mại các sản phẩm liên quan đến năng lượng của VN

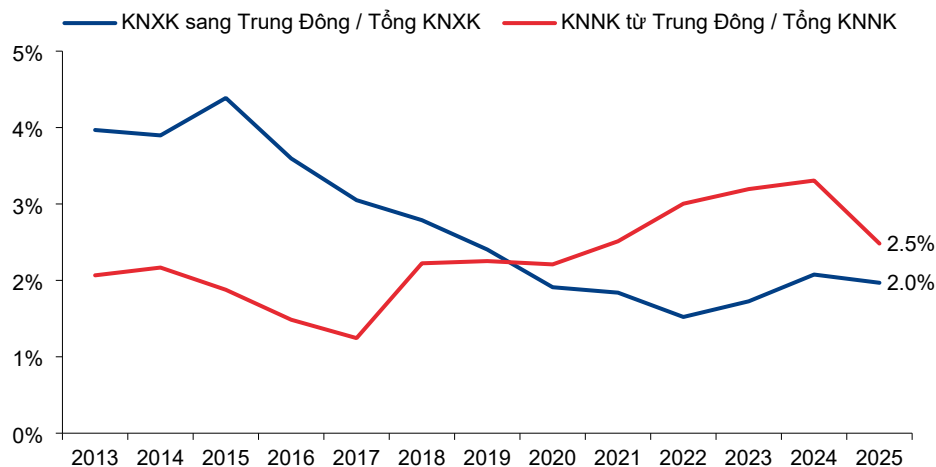
Việt Nam là nước nhập khẩu ròng năng lượng, ghi nhận mức thâm hụt 6,3 tỷ USD trong thương mại dầu thô năm 2025



Nguồn: Hải quan Việt Nam, CEIC, HSC

Biểu đồ 7: Tỷ trọng của Trung Đông trong tổng kim ngạch thương mại

Xuất khẩu sang Trung Đông và nhập khẩu từ Trung Đông lần lượt chiếm 2,0% và 2,5% tổng KNXXK và KNNK của Việt Nam trong năm 2025



Nguồn: Hải quan Việt Nam, CEIC, HSC

Triển vọng thời gian tới?

Câu hỏi quan trọng là giá dầu sẽ chỉ tăng tạm thời hay duy trì trong thời gian dài. Để đánh giá rủi ro này, chúng tôi dựa trên các trường hợp trong quá khứ.

Sau khi cuộc chiến Nga-Ukraine bùng nổ vào ngày 24/2/2022, giá dầu Brent đã tăng lên mức đỉnh 128 USD/thùng vào ngày 8/3/2022 trước khi giảm dần xuống 76,1 USD/thùng vào ngày 9/12/2022. Tại mức đỉnh, giá dầu tăng 32,2% so với trước xung đột, trong khi giá dầu bình quân năm 2022 tăng 39,6% so với năm 2021. Lưu ý là cuộc chiến Nga-Ukraine đã kéo dài 4 năm.

Ngược lại, [cuộc xung đột Israel-Iran](#) bắt đầu vào ngày 13/6/2025 và diễn ra tương đối ngắn, chỉ kéo dài 12 ngày. Trong thời gian đó, giá dầu tăng 13,7% lên mức đỉnh 79 USD/thùng trước khi giảm đáng kể xuống dưới 59 USD/thùng vào ngày 16/12/2025.

Trước khi tổng kết báo cáo này và xem xét lại dự báo trong bối cảnh điều kiện đang thay đổi, chúng tôi lưu ý về câu ngạn ngữ bất hủ: “Sự không chắc chắn là điều duy nhất chắc chắn”.

Từ đó, HSC giữ nguyên dự báo CPI và thương mại hiện tại, do thương mại trực tiếp của Việt Nam với khu vực Trung Đông tương đối hạn chế, với KNXXK và KNNK chiếm lần lượt khoảng 2% và 2,5% tổng kim ngạch thương mại năm 2025, và thời gian căng thẳng hiện tại kết thúc vẫn chưa chắc chắn.

Bảng 8: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025E	2026F	2027F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	25,480	26,300	27,000	27,500
Tỷ giá (VND: CNY)	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,491	3,761	3,885	3,929
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.36	2.87	2.55	8.54	4.98	7.04	8.02	7.60	8.00
GDP (tỷ USD)	332	346	370	411	433	476	514	546	584
GDP bình quân đầu người (USD)	3,398	3,558	3,757	4,132	4,317	4,702	5,026	5,293	5,610
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.51	5.48	3.70	3.30	3.42
Nợ công/GDP (%)	42.8	43.8	44.7	37.4	36.9	37.0	36.8	37.2	38.5
Nợ Chính phủ/GDP (%)	37.4	38.5	39.6	34.7	33.3	33.0	33.2	34.0	35.6
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.09	2.71	2.55	3.08	2.85	3.47	3.60	4.23	5.02
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	106	115	124	125	133	136	145	149	154
FDI giải ngân / FDI (%)	6.1	5.8	5.3	5.4	5.4	5.3	5.4	5.4	5.3
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.15	2.37	3.56	2.32	2.26	2.22	2.22	2.60	2.50
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.6	3.3	3.9	4.0
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	2.9	3.5	4.1	4.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.50	4.50	4.50
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.0	1.8	4.0	4.0
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	13.6	12.2	13.6	14.2	13.8	15.1	19.0	15.0	15.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	17,915	20,781	23,586	26,770
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	12.0	16.0	13.5	13.5
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	79	95	107	85	90	81	83	85	90
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	4.6	5.2	5.5	5.8
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.4	3.3	3.5	3.6
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.8	4.2	4.3
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.9	20.0	19.4	23.9
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	26.1	19.0	18.0	20.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	253	263	333	360	326	381	455	495	544
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	16.7	19.4	8.7	10.0
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	264	283	336	372	355	406	475	514	568
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	14.4	17.0	8.2	10.5
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	123	129	140	149	142	155	169	179	184
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.9	37.3	37.7	36.2	32.7	32.6	32.8	32.8	32.8
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.4	27.6	29.2	31.1
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	38.0	28.5	31.2	27.7	39.4	38.2	38.4	40.4	44.5
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	49.8	53.8	50.0	51.0
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.8	10.1	7.0	7.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.2	10.9	7.5	8.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo hàng năm (%)	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	9.8	10.5	7.0	9.5
Doanh số bán lẻ danh nghĩa hàng năm (%)	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.4	9.0	9.2	11.0	12.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t-1) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn